

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-6-2020

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hùng - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 13/2020/TB-TA ngày 28 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Tú A, sinh năm 1978, nơi cư trú: Số 464, tổ 7, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1974, nơi cư trú: tổ 7, khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17 tháng 9 năm 2019 và lời trình bày của nguyên đơn bà Dương Tú A trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau:* Về hôn nhân: Bà và ông Phan Văn P chung sống với nhau năm 1997 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01, ngày 08/5/1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T. Từ khoảng năm 2014-2015 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có

tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, tuy sống chung nhưng việc ai nấy làm. Trước đây, bà đã có gửi đơn xin ly hôn nhưng đã đình chỉ vụ án. Đến nay cuộc sống vợ chồng vẫn không thể hàn gắn, cả hai không còn tình cảm với nhau. Bà yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1998 và Phan Thanh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008. Bà A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Văn P đều vắng mặt:* Không có ý kiến trình bày.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Dương Tú A và Ông Phan Văn P có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy cả hai đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014-2015 không còn quan tâm lẫn nhau mặc dù sống chung nhà nhưng cả hai đã sống ly thân, điều này được thể hiện qua lời khai của bà T và biên bản xác minh tại ban khóm T ngày 08/01/2020; mặc khác thể hiện vào năm 2019 Bà A đã có gửi đơn xin ly hôn nhưng Tòa án đình chỉ. Từ đó, thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Thảo V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1998, đã trưởng thành và Phan Thanh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008. Cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó cần giao con chung cho Bà A nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và quy định pháp luật. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81-84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản xác minh lời khai của bà

Nguyễn Thị T ngày 19 tháng 02 năm 2020; Biên bản ghi lời khai của cháu Phan Thanh H ngày 09 tháng 01 năm 2020; Biên bản xác minh ngày 08 tháng 01 năm 2020 tại Ban khóm T, thị trấn N, huyện T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà Dương Tú A có mặt, ông Phan Văn P đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Dương Tú A vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Phan Văn P vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Phan Văn P đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Văn P có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Dương Tú A và Ông Phan Văn P chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyền số 01, ngày 08/5/1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét về tình cảm Bà A và ông P thì thấy rằng: Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2014-2015, tuy sống chung nhà nhưng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, Bà A đã làm đơn xin ly hôn nhưng Tòa án đã đình chỉ, trong suốt thời gian dài vẫn không thể tạo điều kiện để hàn gắn được. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Dương Tú A xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Thảo V, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1998, đã trưởng thành nên không xem xét; và Phan Thanh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008, Cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Dương Tú A, do đó cần giao con chung cho Bà A nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của Cháu H và quy định pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn

nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà A không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Dương Tú A khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Phan Văn P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Bà Dương Tú A đối với ông Phan Văn P.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Tú A và ông Phan Văn P.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phan Thanh H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2008 cho bà Dương Tú A trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Phan Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Dương Tú A cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Phan Văn P quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Dương Tú A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0004831 ngày 18 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Dương Tú A đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01, ngày 08/5/1997 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.T;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã T;
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ